

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 229/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2019

V/v Ly hôn giữa chị L và

anh L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm

2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Ly hôn tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Bích L, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đào Nhựt L, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tô Văn K, sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1972; Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (Ông K, bà L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Tô Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2018, do mai mối, tìm hiểu chị và anh Đào Nhựt L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong

tục và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 07/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục được khoảng 03 đến 04 ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh L vô cớ chửi mắng, đánh đập, xúc phạm chị và gia đình cha mẹ ruột. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng có nợ của vợ chồng ông Tô Văn K, bà Nguyễn Thị Ánh L 02 chỉ vàng 24k. Chị L yêu cầu vợ chồng cùng liên đới có trách nhiệm trả số nợ trên (chị L trả 01 chỉ vàng 24k và anh L trả 01 chỉ vàng 24k).

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đào Nhựt L trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Về nợ chung chị Linh trình bày chưa đúng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ vợ chồng ông K, bà L 10 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng.

Qua yêu cầu xin ly hôn của chị L, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có ý kiến sau:

Về con chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Anh L yêu cầu chị L cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông K, bà L số tiền 70.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Tô Văn K, bà Nguyễn Thị Ánh L thống nhất trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông có cho vợ chồng anh Đào Nhựt L và chị Tô Thị Bích L vay vàng và tiền nhiều lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k, không tính lãi suất, thời gian trả: 01 tháng kể từ ngày vay. Hai bên có lập biên nhận nợ ngày 12/8/2018. Từ lúc vay cho đến nay, vợ chồng anh L, chị L chưa thanh toán số nợ trên. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng anh L, chị L có trách nhiệm trả số nợ trên (anh L và chị L mỗi người trả cho vợ chồng ông 35.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k). Ngày 16/9/2019, vợ chồng ông K, bà L có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tô Thị Bích L được ly hôn với anh Đào Nhựt L.

Về nuôi con chung: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập, do người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn anh Đào Nhựt L vắng mặt không rõ lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Tô Văn K, bà Nguyễn Thị Ánh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xét xử vắng mặt anh L, ông K, bà L.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị L và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định được xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận, sau khi kết hôn chung sống với nhau được vài ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi và anh L có đánh đập chị L nhiều lần. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm tới ai. Chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, chị L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh L. Anh L vắng mặt không rõ lý. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 15/02/2019 xác định: Sau khi cưới

nhau không lâu vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau nên vợ chồng sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chị L yêu cầu xin ly hôn với anh L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ chung*: Chị L khai nhận vợ chồng có nợ của vợ chồng ông K, bà L 02 chỉ vàng 24k. Anh L thừa nhận vợ chồng nợ của vợ chồng ông K, bà L 10 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông K, bà L yêu cầu vợ chồng anh L, chị L có trách nhiệm liên đới trả số nợ 10 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng. Chị L đồng ý vợ chồng cùng liên đới có trách nhiệm trả 02 chỉ vàng 24k. Anh L yêu cầu chị L cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông K, bà L số tiền 70.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Sau đó, vợ chồng ông K, bà L có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu vợ chồng chị L và anh L có trách nhiệm trả số tiền 70.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông K, bà L và tách phần nghĩa vụ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

[3] *Án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Tô Thị Bích L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị L và anh L ly hôn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Tô Thị Bích L và anh Đào Nhựt L.

2. *Về nuôi con chung*: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Chị L và anh L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có tranh chấp.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh L về việc yêu cầu vợ chồng chị Tô Thị Bích L và anh Đào Nhựt L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Tô Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 001386 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận chị L đã nộp xong.

Vợ chồng ông Tô Văn K, bà Nguyễn Thị Ánh L được nhận lại số tiền 2.625.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001534 ngày 03/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* vợ chồng ông Tô Văn K, bà Nguyễn Thị Ánh L;

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng

